TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 17 – 3 – 2023
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ông Thị Cành Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Bà Danh Thị N**; Sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 360 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà N vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn*: **Ông Tăng Sà Q**; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 134 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông Sà Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Danh Thị N trình bày:

Bà với ông Tăng Sà Q tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và cũng trong năm 2013, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 26 tháng 02 năm 2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ông Sà Q ở số 134 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2022 thì phát

sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp tính tình, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung với nhau, ông Sà Q cũng không hề gặp bà N để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà N với ông Sà Q có hai con chung là Tăng Thanh N, sinh ngày 11/8/2014 và Tăng Thùy T, sinh ngày 02/10/2015. Hai cháu đang sống với ông Sà Q.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Danh Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Sà Q.

- Về con chung: Bà N đồng ý để ông Sà Q được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tăng Sà Q không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 07/TB-TLVA ngày 11 tháng 01 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Sà Q nhưng ông Sà Q không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Sà Q để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Sà Q đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Danh Thị N ly hôn với ông Tăng Sà Q. Về con chung: Giao hai con chung cho ông Tăng Sà Q trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Danh Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Danh Thị N và ông Tăng Sà Q đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông Sà Q mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà N và ông Sà Q.

[2] Về nội dung: Bà Danh Thị N và ông Tăng Sà Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 26 tháng 02 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Sà Q là hợp pháp. Nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Sà Q, đồng ý để ông Sà Q được nuôi hai con và bà N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét lý do xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông Sà Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp tính tình, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Danh Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Sà Q là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Tăng Thanh N, sinh ngày 11/8/2014 và Tăng Thùy T, sinh ngày 02/10/2015 đang sống cùng ông Sà Q. Tại Tòa án, cháu Nguyên và cháu Trâm có văn bản ghi nguyện vọng là muốn được sống với cha nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Bà N trình bày từ khi hai người không còn sống chung thì hai con do ông Sà Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Do hai con cũng có nguyện vọng được sống với cha nên bà N đồng ý để ông Sà Q được tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Tăng Thanh N và Tăng Thùy T cho ông Tăng Sà Q nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà N.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn và chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị N.

- Về hôn nhân: Bà Danh Thị N được quyền ly hôn với ông Tăng Sà Q.

- Về con chung: Giao cháu Tăng Thanh N, sinh ngày 11/8/2014 và Tăng Thùy T, sinh ngày 02/10/2015 cho ông Tăng Sà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Danh Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Danh Thị N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Tăng Sà Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Danh Thị N. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Danh Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Tăng Thanh N và Tăng Thùy T với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu, cấp dưỡng cho đến khi cháu Tăng Thanh N và Tăng Thùy T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2023. Ông Tăng Sà Q là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Danh Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Bà Danh Thị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004236 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, bà Danh Thị N phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND xã T, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân